

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con và cấp dưỡng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Út.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Duy Oanh;

Ông Nguyễn Phát Triển.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06/7/2020, “V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 919/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Ngọc T - sinh năm: 1981 (có mặt); *Địa chỉ:* 86A/LB, ấp Long Bình, xã H L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. *Tạm trú:* Ấp 5, xã N T, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

**- Bị đơn:** Nguyễn Văn L - sinh năm: 1980 (vắng mặt); *Địa chỉ:* 86A/LB, ấp L B, xã H L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Năm 2001, Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Văn L quen biết nhau được gia đình 02 bên tổ chức đám cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2002 tại UBND xã H L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã, anh L không lo

vợ con và gia đình, có vài lần anh L nhậu về đánh chị T, lúc còn sống chung hàng ngày chị T đi làm về mệt, tối về nhà anh L không cho nghỉ ngơi, đòi quan hệ nên chị T chịu không nổi và đến tháng 5/2018 chị T bỏ nhà đi về nhà cha mẹ sống cho đến nay. Nay chị T thấy không còn khả năng đoàn tụ, yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Văn L. Về con chung vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Hà sinh ngày 12/9/2002, Nguyễn Tấn N sinh năm 2005; Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý giao Nguyễn Tấn N cho Nguyễn Văn L nuôi dưỡng, Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng để nuôi Nguyễn Tấn N cho đến khi đủ 18 tuổi; Nguyễn Thị Thu Hà đã trưởng thành Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2020 bị đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị T có đăng ký kết hôn 16/12/2002 tại UBND xã H L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Việc chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ. Về con chung có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Hà sinh ngày 12/9/2002, Nguyễn Tấn N sinh năm 2005, anh đồng ý tiếp tục nuôi Nguyễn Tấn N, anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng, cho đến khi Nguyễn Tấn N đủ 18 tuổi. Nguyễn Thị Thu Hà đã trưởng thành đã có gia đình Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Về phần nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; về hôn nhân cho chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn anh Nguyễn Văn L; về con chung và cấp dưỡng Nguyễn Văn L được tiếp tục nuôi Nguyễn Tấn N sinh năm 2005 và công nhận Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi N mỗi tháng là 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/01/2021 cho đến khi Nguyễn Tấn N đủ 18 tuổi, về Nguyễn Thị Thu Hà đã thành niên nên không xem xét; về tài sản và nợ chung Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Văn L không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Văn L sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, N nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh L không lo gì cho gia đình,

thường hay nhậu có đôi lần đánh chị T, chị T khuyên ngăn nhưng anh L vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, nên tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng Nguyễn Thị Ngọc T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Nguyễn Văn L, hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị Ngọc T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu Hà sinh ngày 12/9/2002, Nguyễn Tấn N sinh năm 2005, Nguyễn Thị Ngọc T đồng ý giao Nguyễn Tấn N cho Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, Nguyễn Thị Thu Hà đã trưởng thành chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; còn Nguyễn Tấn N thì việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, phải đảm bảo đầy đủ điều kiện để nuôi con, đảm bảo các điều kiện nuôi con tốt, Nguyễn Tấn N có tờ tường trình là muốn sống với anh L và không yêu cầu chị T cấp dưỡng, chị T đồng ý Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi Nguyễn Tấn N, anh L cũng đồng ý tiếp tục nuôi cháu N, Hội đồng xét xử xem xét tiếp tục giao Nguyễn Tấn N cho Nguyễn Văn L nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Nguyễn Văn L yêu cầu Nguyễn Thị Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng, cho đến khi Nguyễn Tấn N đủ 18 tuổi, yêu cầu cấp dưỡng của anh L chị T tự nguyện đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận công nhận sự tự nguyện của chị T là đúng quy định theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Văn L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyễn Thị Ngọc T và Nguyễn Văn L cho rằng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Nguyễn Văn L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Kiểm sát viên đề nghị giải quyết nội dung vụ án là đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử đồng ý quan điểm của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: N đơn Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với Nguyễn Văn L.
2. Về con chung và cấp dưỡng: Nguyễn Văn L được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Tấn N sinh năm 2005. Công nhận Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Nguyễn Tấn N mỗi tháng 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2021 cho đến khi Nguyễn Tấn N đủ 18 tuổi.
3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 600.000 đồng (trong đó án phí về ly hôn là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí phần cấp dưỡng). Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005129, ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; như vậy Nguyễn Thị Ngọc T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

N đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/12/2020); đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã H L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

**Nguyễn Văn Út**